

**PHỤ LỤC III**  
**CÁC CẦU HẠN CHẾ TẢI TRỌNG, KHỔ GIỚI HẠN**

(Kèm theo Quyết định số                      /QĐ-UBND ngày              tháng              năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Stt	Tên đường (quốc lộ, đường tỉnh,...)	Lý trình	Tỉnh/thành phố	Cầu hạn chế tải trọng, khổ giới hạn				Ghi chú
				Tên cầu	Tải trọng thiết kế	Tình trạng tải trọng	Tình trạng khổ giới hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Quốc Lộ</b>							
1	QL.4E	Km85+377	Lào Cai	Cầu O Tròn	H30-XB80	10		Biển P.115
2	QL.4E	Km85+667	Lào Cai	Cầu Duyên Hải	H30-XB80	12		Biển P.115
3	QL.70	Km52+984	Lào Cai	Ngòi cát	H30-XB80	25-39		Biển P.106a và S.505b
4	QL.70	Km55+079	Lào Cai	Ngòi khang	H30-XB80	25-39		Biển P.106a và S.505b
5	QL.70	Km56+632	Lào Cai	Ngòi lực	H30-XB80	19-35-43		Biển P.106a và S.505b
6	QL.70	Km66+512	Lào Cai	Ngòi Uông	H30-XB80	21-35-40		Biển P.106a và S.505b
7	QL.70	Km71+412	Lào Cai	Ngòi Thù	H30-XB80	21-38		Biển P.106a và S.505b
8	QL.70	Km72+479	Lào Cai	Sài Lớn	H30-XB80	24-42		Biển P.106a và S.505b
9	QL.70	Km77+164	Lào Cai	Ngòi Vần	H30-XB80	18-31-34		Biển P.106a và S.505b
10	QL.70	Km81+431	Lào Cai	Ngòi Thuồng	H30-XB80	17-27-34		Biển P.106a và S.505b
11	QL.70	Km88+083	Lào Cai	Ngòi Đương	H30-XB80	17-27-34		Biển P.106a và S.505b
12	QL.70	Km98+050	Lào Cai	Tô Mậu	H30-XB80	17-27-33		Biển P.106a và S.505b
13	QL.70	Km108+941	Lào Cai	Ngòi Chỉ	H30-XB80	19-27-33		Biển P.106a và S.505b

Stt	Tên đường (quốc lộ, đường tỉnh,...)	Lý trình	Tỉnh/thành phố	Cầu hạn chế tải trọng, khổ giới hạn				Ghi chú
				Tên cầu	Tải trọng thiết kế	Tình trạng tải trọng	Tình trạng khổ giới hạn	
14	QL.70	Km114+390	Lào Cai	Cầu Lủ	H30-XB80	21-34-42		Biển P.106a và S.505b
15	QL.70	Km118+806	Lào Cai	Cầu Mác	H30-XB80	32-48-45		Biển P.106a và S.505b
16	QL.70	Km124+228	Lào Cai	Phố Ràng	H30-XB80	21-34-42		Biển P.106a và S.505b
17	QL.70	Km146+450	Lào Cai	Làng Phàng	H30-XB80	19-30-37		Biển P.106a và S.505b
18	QL.37	Km280+500	Lào Cai	Cầu Yên Bái	H30-XB80		2,2	Biển P.116; P.117 (2,2m); P.103a (xe>7 chỗ)
<b>II</b>	<b>Đường tỉnh</b>							
1	ĐT.163	Km 49+550	Lào Cai	Cầu Mười	H13	10		Biển P.115
2	ĐT.163	Km 51+900	Lào Cai	Cầu Lắm	H13	13		Biển P.115
3	ĐT.163	Km 61+360	Lào Cai	Cầu Trạc	H13	13		Biển P.115
4	ĐT.170	Km5+800	Lào Cai	Cầu Lạnh	H13	13		Biển P.115
5	ĐT.170	Km 8+350	Lào Cai	Cầu Vĩnh Lạc	H13	8		Biển P.115

**Ghi chú:**

- Đơn vị tại cột tình trạng tải trọng là đơn vị tấn.
- Số hiệu thứ nhất XX là giới hạn khối lượng toàn bộ xe ô tô tải.
- Số hiệu thứ hai YY là giới hạn khối lượng toàn bộ xe ô tô đầu kéo kéo sơ-mi-rơ-moóc;
- Số hiệu thứ ba ZZ là giới hạn khối lượng toàn bộ xe ô tô kéo rơ-moóc.

Ví dụ: thông tin tại cột (7) là 19 - 35 - 43, nghĩa là xe ô tô tải được phép lưu thông với khối lượng toàn bộ (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 19 tấn; xe ô tô đầu kéo kéo sơ-mi-rơ-moóc được lưu thông với khối lượng toàn bộ (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 35 tấn và xe ô tô kéo rơ-moóc được lưu thông với khối lượng toàn bộ (cả xe và hàng) nhỏ hơn hoặc bằng 43 tấn.